

NGHIÊN CỨU MỐI QUAN HỆ GIỮA TÍNH KỶ LUẬT TỰ GIÁC CỦA SINH VIÊN VÀ NĂNG LỰC NGÔN NGỮ TRONG BỐI CẢNH HỌC TẬP TRỰC TUYẾN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

PHẠM HẢI YẾN* - TRẦN TRUNG CỘNG**

Tóm tắt: Nhận thấy sự khác biệt trong việc giảng dạy tiếng Anh trong lớp học trực tiếp và lớp trực tuyến có thể ảnh hưởng đến kết quả học tập của người học, nhóm tác giả đã thực hiện nghiên cứu ảnh hưởng của tính kỷ luật tự giác của người học đối với năng lực ngôn ngữ của họ trong bối cảnh học tập trực tuyến. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng hai công cụ nghiên cứu chính bao gồm: (1) bảng câu hỏi khảo sát được sử dụng rộng rãi nhằm mục đích điều tra mức độ kỷ luật tự giác của người tham gia và (2) cơ sở dữ liệu từ EOP (nền tảng học tập tiếng Anh trực tuyến) để đánh giá năng lực ngôn ngữ của người học. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra mối tương quan trực tiếp giữa mức độ kỷ luật tự giác của người tham gia và khả năng sử dụng tiếng Anh của họ. Trong đó, mức độ tự giác thấp là nguyên nhân một phần dẫn đến kết quả học tập kém và ngược lại. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn cho thấy sự khác biệt không đáng kể về kết quả học tập của nhóm cao và nhóm trung bình ở một số khía cạnh.

Từ khóa: Tính kỷ luật tự giác, học tập trực tuyến, năng lực ngoại ngữ, EOP.

Abstract: Having recognized the difference in the implementation of English lessons in physical classrooms and distant classrooms which possibly influence learners' performance, we are interested

in examining the impacts of students' self-discipline on the language performance in trực tuyến learning situation. In this study, we employed two main research instruments including: (1) a widely used survey questionnaire aiming at investigating subjects' level of self-discipline and (2) database from English Occupational Purposes (EOP), a web-based English learning system to assess learners' language performance. Research's results have shown a direct correlation between subjects' level of self-discipline and their English language performance, in which low level of self-discipline is a partial contributor to poor learning performance and vice versa. Also, findings of the research showed inconsiderable difference in the learning outcomes of high group and medium group in several aspects.

Keywords: Self-discipline, trực tuyến learning, language performance, EOP.

1. Đặt vấn đề

Do đại dịch COVID-19 đã hạn chế giáo viên và học sinh tham gia các lớp học trực

* ThS - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: yenpham080122@gmail.com

** ThS - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

tiếp, học trực tuyến đã trở thành một chuẩn mực mới trong giáo dục (Shivangi Dhawan [12]). Không thể phủ nhận việc đổi mới phương pháp giảng dạy và hệ thống học tập mới đã kích thích khả năng sáng tạo của người học và người dạy. Điều này đã dẫn đến sự thích ứng cũng như đổi mới trong quá trình dạy - học, bao gồm phương pháp giảng dạy, hệ thống quản lý và chiến lược học tập. Nói một cách đơn giản hơn, việc dạy học đã chuyển từ lớp học trực tiếp sang lớp học trực tuyến đồng nghĩa với việc ứng dụng các công cụ dạy học liên quan đến công nghệ đóng một vai trò quan trọng trong quá trình dạy học. Điều này đòi hỏi giáo viên và người học phải có được những kỹ năng liên quan để họ có thể đối phó với bối cảnh học tập hiện hành. Hơn nữa, người học nên được khuyến khích thúc đẩy khả năng tự học của mình do vai trò quan trọng của nó trong hầu hết các khóa học trực tuyến.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Câu hỏi nghiên cứu

(1) Mức độ kỷ luật tự giác của sinh viên như thế nào trong bối cảnh học tập trực tuyến?

(2) Kỷ luật tự giác ảnh hưởng như thế nào đến hiệu suất ngôn ngữ của sinh viên?

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện vào cuối học kỳ đầu tiên của sinh viên, trong đó tất cả các bài học được giảng dạy trực tuyến do sự bùng phát của virus COVID-19. Cụ thể hơn, nghiên cứu có sự tham gia của 120 sinh viên năm nhất đang theo học các chuyên ngành khác nhau như Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh hay Quản lý khách sạn tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Trong số đó có 40 nữ và 80 nam. Trình độ ngôn ngữ của người tham gia tương đương với cấp độ A2 trong Khung

Tham Chiếu Ngôn ngữ Chung Châu Âu (Common European Framework of Reference for Languages - CEFR).

2.3. Công cụ nghiên cứu

2.3.1. Bảng câu hỏi khảo sát

Nhóm tác giả đã sử dụng Thang đo tự kiểm soát bản rút gọn (Tangney [13]) để điều tra mức độ kỷ luật tự giác của người tham gia. Bảng câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert với 5 độ từ 1 (hoàn toàn không) đến 5 (rất nhiều). Các mục trong Thang đo đã được rút gọn từ 36 mục xuống còn 26 mục để phù hợp với mục đích nghiên cứu. Bảng câu hỏi được phát cho người tham gia trực tuyến thông qua Google Form. Sau khi có được dữ liệu, nhóm tác giả tính toán, sắp xếp và chia kết quả thành ba loại chính. Kết quả sẽ được minh họa bằng biểu đồ ở phần sau của bài viết này.

2.3.2. Dữ liệu từ EOP

Dữ liệu từ EOP bao gồm tổng số bài học mà mỗi người tham gia đã hoàn thành trong suốt khóa học, điểm trung bình của các bài nói và viết. Cụ thể là các bản ghi âm nói và bài viết được sinh viên nộp trong quá trình học tập, điểm trung bình của bài kiểm tra trực tuyến và điểm thi hết học phần. Các dữ liệu này được thu thập để điều tra kết quả học tập của người tham gia, từ đó đánh giá về hiệu suất ngôn ngữ của họ. Số liệu được thu thập thông qua báo cáo trực tuyến của hệ thống, sau đó được tác giả tính toán và minh họa dưới dạng bảng và biểu đồ ở phần sau.

2.4. Quy trình nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu được thực hiện qua những bước sau:

1. Sinh viên được yêu cầu hoàn thiện bảng khảo sát thông qua Google Form.

2. Nhóm tác giả thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu nhờ phần mềm Excel.

3. Nhóm tác giả thu thập dữ liệu về năng lực ngoại ngữ của sinh viên thông qua nền tảng học tập tiếng Anh trực tuyến EOP sau đó tiến hành phân loại dữ liệu nhờ phần mềm Excel.

4. Nhóm tác giả tiến hành đối chiếu so sánh giữa mức độ kỷ luật tự giác của sinh viên và kết quả học tập của họ.

3. Tính kỷ luật tự giác

Theo *Từ điển Cambridge* [15], kỷ luật tự giác (self-discipline) được định nghĩa là: “khả năng khiến bản thân làm những việc bạn biết mình nên làm ngay cả khi bạn không muốn” và “khả năng kiểm soát cảm xúc và khắc phục điểm yếu của mình”. Ngoài ra, tính kỷ luật tự giác cũng thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, chẳng hạn như: tính kiên trì, sức chịu đựng, suy nghĩ trước khi hành động và hoàn thành công việc. Các đặc điểm khác của kỷ luật tự giác được kể đến như khả năng thực hiện các kế hoạch đã đề ra không ngại khó khăn, bất tiện và khả năng chống lại cám dỗ (Sasson [11]). Do đó, mức độ kỷ luật tự giác cao được cho là một trong những yếu tố thúc đẩy sự thành công trong học tập, qua đó giúp người học đạt được thành tích tốt hơn và đạt được mục tiêu đề ra (de Ridder, Lensvelt-Mulders, Finkenauer, Stok và Baumeister [4]). Thành tích ở trường đại học cũng không phải là ngoại lệ. Baumeister và Tierney [1] kết luận trong bài báo của họ rằng mức độ kỷ luật tự giác của sinh viên có thể giúp dự đoán thành tích của họ ở trường đại học.

Trong thời đại học tập kỹ thuật số, học sinh phải được yêu cầu truy cập vào các trang web và sử dụng các công cụ công

nghệ để hoàn thành bài học và tương tác. Khi không bị giới hạn bởi lớp học, học sinh dễ dàng có thể bị khuấy phục bởi những sự xao nhãng gây ra bởi Internet. Những xao nhãng và cám dỗ gây ra bởi Internet có thể làm giảm hiệu quả học tập của người học. Vì vậy, người học cần thiết điều chỉnh các kế hoạch và phương thức học tập của mình để phù hợp với sự chuyển mình trong thời đại số và đảm bảo tính hiệu quả của việc học.

4. Học trực tuyến trong thời đại số

Việc học sinh tham gia các lớp học thông qua mạng Internet được định nghĩa là học trực tuyến, học từ xa và giáo dục từ xa (Gelles, Lord, Hoople, Chen, Mejia [5]). Mặc dù học tập trực tuyến, hay học từ xa đã trở nên phổ biến trong một thời gian dài nhưng tầm quan trọng đáng kể của nó được nhận thấy hơn bao giờ hết khi đại dịch COVID-19 bùng phát. Do đó, nghiên cứu về lĩnh vực này đã tăng lên đáng kể.

Bốn yếu tố bao gồm kỹ năng làm việc trực tuyến, tính hiệu quả của việc học tập trực tuyến, tính tự giác và sự hòa nhập xã hội được coi là có tác động sâu sắc đến kết quả học tập của học sinh trong e-learning (học tập trực tuyến) (Joosten và Cusatis [8]). Trong bốn yếu tố, tính kỷ luật tự giác được cho là có tác động mối quan hệ tích cực giữa hiệu quả học tập trực tuyến và đóng vai trò then chốt trong sự thành công của các khóa học trực tuyến (Waschull [14]). Tuy nhiên, kết luận này cần có thêm kết quả nghiên cứu hỗ trợ do sự đa dạng của các phương pháp và nền tảng học tập trực tuyến.

5. Năng lực ngôn ngữ

Theo Chomsky [2], năng lực ngôn ngữ là “việc sử dụng ngôn ngữ trong các tình

huống cụ thể”. Thuật ngữ này đề cập đến cả việc sản xuất ngôn ngữ và hiểu ngôn ngữ. Cụ thể hơn, năng lực ngôn ngữ được hiểu là việc sản xuất ngôn ngữ trong các tình huống thực tế của người học. Điều đó có nghĩa là năng lực ngôn ngữ có thể bị suy giảm do những lỗi hoặc sự ngập ngừng mà chúng ta có xu hướng mắc phải khi thực hành ngôn ngữ. Nitko (2001) cho rằng năng lực ngôn ngữ được đánh giá bằng cách “sử dụng các tiêu chí được xác định rõ ràng để đánh giá mức độ học sinh đạt được mục tiêu học tập” khi người học được yêu cầu thực hành ngôn ngữ. Ngoài ra, ông đã phân loại hai khía cạnh ngôn ngữ có thể được đánh giá bao gồm: ngôn ngữ của học sinh và quá trình học sinh tạo ra ngôn ngữ. Ngoài ra, Davies [3] cho rằng năng lực ngoại ngữ được đo lường bằng khả năng thực hiện một nhiệm vụ cụ thể, thường là liên quan đến công việc hoặc yêu cầu học tập.

Trong nghiên cứu này, các tác giả đã khám phá mức độ kỷ luật tự giác của người tham gia và mối tương quan giữa tính tự giác và năng lực ngôn ngữ. Để kiểm tra khả năng ngôn ngữ của người tham gia, các tác giả đã thu thập dữ liệu từ hệ thống học tiếng Anh trực tuyến, bao gồm các sản phẩm ngôn ngữ của họ và cung cấp chi tiết về quá trình học tiếng Anh của họ. Cụ thể hơn, các sản phẩm ngôn ngữ của người tham gia đều được thể hiện thông qua trang web trong suốt quá trình học tập, cùng với số lượng bài tập đã hoàn thành, điểm trung bình của bài kiểm tra trực tuyến mà người học phải làm sau mỗi bài học và điểm hết học phần của họ được thu thập và trải qua quá trình phân tích để trả lời các câu hỏi nghiên cứu.

6. English Occupational Purposes (EOP)

EOP là nền tảng học tiếng Anh trực

tuyến được phát triển bởi Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Trang web học tiếng Anh này không chỉ khuyến khích sinh viên tự học mà còn cho phép giảng viên theo dõi quá trình học tập và kết quả học tập của sinh viên thông qua báo cáo hàng tuần của hệ thống. Những báo cáo này cung cấp thông tin chi tiết về thời gian học, số bài học và điểm bài kiểm tra trực tuyến của sinh viên. Không những thế, giảng viên còn có thể đưa ra phản hồi và cho điểm về bài làm của sinh viên từ xa.

Học EOP là nhiệm vụ bắt buộc đối với tất cả sinh viên trước khi tham gia các bài học tiếng Anh ở lớp học trực tuyến với giảng viên hoặc lớp học thực tế. Trên thực tế, sinh viên được yêu cầu phải hoàn thành nhiều bài tập liên quan đến các kỹ năng ngôn ngữ với các chủ đề liên quan. Sau khi kết thúc mỗi bài học, sinh viên phải làm bài kiểm tra nhằm đánh giá những gì đã học trong học phần.

7. Self-control Scale

Self-control Scale (SCS) là một thước đo đánh giá khả năng tự giác của bản thân được xây dựng bởi Tangney [13]. SCS bao gồm 36 mục được xếp theo thang điểm 5 (1 = hoàn toàn không; 5 = rất nhiều). Với năm khía cạnh bao gồm: năng lực chung về kỷ luật tự giác, hành động có chủ ý/không bốc đồng, thói quen lành mạnh, đạo đức làm việc và độ tin cậy. Bảng câu hỏi kiểm tra khả năng thay đổi hành vi, kiểm soát các xu hướng hành vi không mong muốn, khả năng kiềm chế trước những tác động xao nhãng của người trả lời (Tangney [13]). Trong nghiên cứu này, dựa trên mục đích nghiên cứu là đo lường mức độ tự giác trong học tập trực tuyến của người tham gia, nhóm tác giả đã giảm bớt từ 36 mục trong Thang đo gốc còn 26 mục để phù hợp

với mục tiêu nghiên cứu. Trong đó có 11 mục đề cập đến năng lực tự giác chung, 10 mục đề cập đến hành động có chủ ý/không bốc đồng và 5 mục đề cập đến độ tin cậy trong bảng câu hỏi.

Tangney [13] cho rằng mức độ tự kiểm soát bản thân có mối quan hệ chặt chẽ với kết quả học tập. Cụ thể, khả năng tự kiểm soát tốt tương đương với việc đạt được kết quả cao trong quá trình học tập và ngược lại.

8. Kết quả nghiên cứu và phân tích

8.1. Kết quả

Dữ liệu từ bảng câu hỏi nghiên cứu:

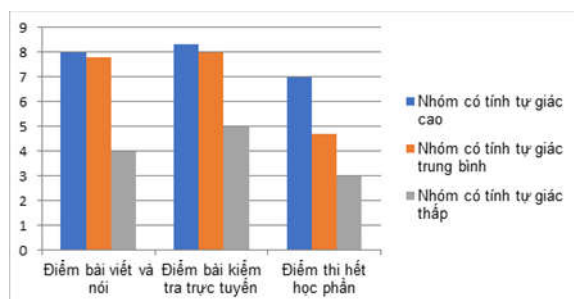
Bảng 1. Mức độ kỷ luật tự giác

Mức độ kỷ luật tự giác	Điểm của người tham gia	Số lượng người tham gia đạt điểm tương ứng	Phần trăm	Điểm thấp nhất - điểm cao nhất
Thấp	26 - 69	36	29,2%	26 - 180
Trung bình	70 - 119	59	49,2%	26 - 180
Cao	120 - 180	26	21,6%	26 - 180

Dữ liệu từ nền tảng học tập trực tuyến EOP:

Bảng 2. Số lượng bài học đã được hoàn thành

Mức độ kỷ luật tự giác	Tổng số bài học	Số lượng bài học được hoàn thành	Phần trăm
Thấp	336	270	80,0%
Trung bình	336	330	98,2%
Cao	336	336	100%



Biểu đồ 1. Điểm trung bình các bài kiểm tra

8.2. Phân tích

Kết quả từ bảng câu hỏi cho thấy phần

lớn người tham gia được xếp vào nhóm có tính kỷ luật tự giác ở mức trung bình. Có thể thấy trong Bảng 1 rằng gần một nửa số người tham gia (49,2%) thuộc nhóm có tính tự giác ở mức độ trung bình. Trong khi đó, tỉ lệ sinh viên có tính tự giác thấp và cao tương đương nhau, lần lượt là 29,2% và 21,6%. Hơn nữa, cơ sở dữ liệu từ EOP đã cho thấy mối quan hệ giữa ba nhóm người tham gia và khả năng ngôn ngữ của họ. Trước hết, Bảng 2 cho thấy có sự khác biệt nhỏ về tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành. Cụ thể hơn, những người tham gia có tính tự giác cao đã hoàn thành tất cả các nhiệm vụ học tập; trong khi đó, những người tham gia ở nhóm trung bình đã bỏ lỡ một số bài tập. Đặc biệt, nhóm có tính kỷ luật tự giác thấp nhất cũng hoàn thành ít nhiệm vụ học tập nhất trong 3 nhóm ở hạng mục này. Về điểm trung bình các bài kiểm tra, khi phân tích dữ liệu trong các bài viết và nói, nhóm tác

giả phát hiện ra rằng sự khác biệt ở nhóm có tính kỷ luật tự giác cao và nhóm có tính kỷ luật tự giác trung bình là không đáng kể. Học sinh ở cả hai nhóm đều đạt khoảng 8 điểm, trong đó điểm trung bình các bài kiểm tra của sinh viên ở nhóm kỷ luật tự giác cao nhỉnh hơn một chút. Ngược lại, dữ liệu của nhóm kỷ luật tự giác thấp có điểm trung bình của người tham gia lần lượt là 4 và 5 ở phần viết, nói và bài kiểm tra sau mỗi bài học. Rõ ràng, kết quả đã cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa nhóm kỷ luật tự giác thấp và hai nhóm còn lại. Cuối cùng, Biểu đồ 1 cho thấy điểm của bài kiểm tra cuối kỳ có mối tương quan với mức độ tự giác, nghĩa là những người tham gia có tính tự giác cao đã hoàn thành khóa học với điểm cao nhất (khoảng 7 điểm) và những người ở nhóm thấp có điểm thấp nhất với 3

điểm; trong khi đó, sinh viên ở nhóm trung bình đạt điểm trung bình (khoảng 5 điểm).

Trong nghiên cứu này, kết quả đã chỉ ra rằng tính kỷ luật tự giác có liên quan đến hiệu suất ngôn ngữ. Trên thực tế, phát hiện này đã được đề cập trong một số nghiên cứu về tính kỷ luật tự giác. Michaelides [9] cho rằng: “Tính kỷ luật tự giác hướng tới sự thành công bằng cách vượt qua những trở ngại”. Tính kỷ luật tự giác có thể góp phần vào sự thành công trong kết quả học tập vì những người học có tính tự giác cao có thể vượt qua sự cám dỗ (ví dụ như các hình thức giải trí như chương trình TV hoặc trò chơi) và chọn cách học bất chấp sự nhàm chán và thất vọng. Mặc dù sự khác biệt giữa nhóm kỷ luật tự giác cao và kỷ luật tự giác trung bình ở hầu hết các khía cạnh được kiểm tra, ngoại trừ bài kiểm tra cuối kỳ là không đáng kể, nhưng nghiên cứu đã chỉ ra rằng những người tham gia có mức kỷ luật tự giác cao có khả năng ngôn ngữ tốt nhất. Việc không có nhiều sự khác biệt trong kết quả số lượng bài học đã được hoàn thành và điểm trung bình các bài kiểm tra trực tuyến có thể do sự giám sát và đôn đốc của giáo viên trong quá trình học tập trực tuyến và khuyến khích họ học tập tích cực trong suốt khóa học. Tuy nhiên, do thiếu kỷ luật tự giác nên các sinh viên có tính kỷ luật tự giác trung bình đã không thể hiện tốt trong bài thi cuối kỳ. Ngược lại, những sinh viên có tính kỷ luật tự giác thấp lại không thể hiện tốt và không được công nhận hoàn thành khóa học, dẫn đến việc tất cả đều phải học lại khóa học. Đặc biệt, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng sinh viên trong nhóm này không được điểm trung bình cho các bài làm và bài kiểm tra, mặc dù các em đã hoàn thành hầu hết các bài tập trực tuyến. Điều này là do các em có nghĩa vụ phải hoàn thành các bài học trực tuyến trước khi tham

gia các lớp học trực tuyến hoặc trực tiếp. Tuy nhiên, do thiếu kỷ luật tự giác nghiêm trọng và không thể cưỡng lại sự xao lãng và cám dỗ nên kết quả học tập của người tham gia bị ảnh hưởng rất nhiều.

9. Kết luận

Các tác giả nhận thấy rằng hầu hết sinh viên có mức độ tự giác cao và trung bình và khoảng 1/4 số người tham gia có mức độ tự giác thấp. Ngoài ra, nghiên cứu còn cho thấy mối quan hệ giữa mức độ tự giác và khả năng ngôn ngữ của họ, trong đó sinh viên được xếp ở nhóm có tính kỷ luật tự giác cao thể hiện tốt nhất và nhóm ở mức trung bình thể hiện kém hơn một chút. Trong khi đó, những sinh viên ở mức thấp có kết quả học tập thấp nhất như đã được thảo luận ở trên. Tóm lại, kết quả của nghiên cứu có thể giúp giảng viên lập kế hoạch về các chiến lược giảng dạy hữu ích để giúp những sinh viên có mức độ tự giác thấp học tập hiệu quả. Nghiên cứu cũng có thể giúp giảng viên nhận ra tầm quan trọng của năng lực tự giác kỷ luật cũng như vai trò của giảng viên trong hình thức học tập trực tuyến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Baumeister, R., & Tierney, J., *Willpower: Rediscovering the greatest human strength*, Penguin Press, New York, 2011.
- [2] Chomsky, N., *Aspects of the Theory of Syntax*, MIT Press, Cambridge, 1965.
- [3] Davies, A., “Standard English: Discordant voices”, *World Englishes*, Vol. 18, No. 2, pp. 171-186, 1999.
- [4] de Ridder, D., Lensvelt-Mulders, G., Finkenauer, C. F., Stok, M., & Baumeister, R. F., “Taking stock of self-control: A meta-analysis of how trait self-control relates to a wide range of behaviors”, *Personality and Social Psychology Review*, Vol. 16, 2012.

⇒ Xem tiếp trang 142